

STRESS, LO ÂU, TRẦM CẢM VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở ĐIỀU DƯỠNG VIÊN

Lê Thị Phương Liên¹, Nguyễn Bạch Ngọc²

TÓM TẮT

Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện ở 318 điều dưỡng viên đang làm việc tại một bệnh viện chuyên khoa hạng 1 tại Hà Nội năm 2019 nhằm đánh giá thực trạng stress, lo âu, trầm cảm và một số yếu tố liên quan. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ điều dưỡng bị stress, lo âu và trầm cảm lần lượt là 18,5%; 33,3% và 22%. Mức độ stress nhẹ, vừa, nặng và rất nặng ở điều dưỡng lần lượt là 9,1%, 6,0%, 2,5% và 0,9%; lo âu là 10,7%, 16,3%, 2,2% và trầm cảm là 4,1%; 12,6%, 6,6%, 1,6% và 1,2%. Nghiên cứu xác định được mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa một số yếu tố với tình trạng stress của điều dưỡng gồm có gặp phải biến cố trong 1 năm qua (OR=2,25; 95%CI: 1,266-4,030; p<0,05), có áp lực trong công việc (OR=3,08; 95%CI: 1,34-7,097; p<0,05).

Từ khóa: Stress, lo âu, trầm cảm, điều dưỡng.

ABSTRACT:

STRESS, ANXIETY, DEPRESSION AMONG NURSES AND ITS RELATED FACTORS

A cross-sectional descriptive study was conducted in 318 nurses (male 19.2%, female 80.8%) working at a first grade specialized hospital in Hanoi in 2019 to assess the situation of stress, anxiety, depression and some related factors. The DASS 21 questionnaire was used to assess stress, anxiety and depression in the study subjects. The results showed that the rate of nursing suffering stress, anxiety and depression was 18.5%; 33.3% and 22%. The mild, moderate, severe and very severe levels of stress in nursing were 9.1%, 6.0%, 2.5% and 0.9%; anxiety 10.7%, 16.3%, 2.2% and depression is 4.1%; 12.6%, 6.6%, 1.6% and 1.2%, respectively. Statistically significant association with stress in the study subjects were found, including the incident in the past 1 year (OR = 2.25; 95% CI: 1.266-4.030; p<0.05), work pressure (OR = 3.08; 95% CI: 1.34-7.097; p<0.05).

1. Bệnh viện Nội tiết Trung ương

2. Đại học Thăng Long

Tác giả chính: Lê Thị Phương Liên; Điện thoại: 0982 244 561; Email: lethiphuonglien1978@gmail.com

Keywords: Stress, anxiety, depression, nursing.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo định nghĩa của Tổ chức Y tế Thế giới, Sức khỏe tâm thần là một cuộc sống thật sự thoải mái, đạt được niềm tin vào giá trị bản thân, vào phẩm giá và giá trị của người khác; có khả năng ứng xử bằng cảm xúc, hành vi hợp lý trước mọi tình huống, khả năng tạo dựng, duy trì và phát triển thoả đáng các mối quan hệ và khả năng tự hàn gắn để duy trì cân bằng sau các sang chấn tâm lý hoặc stress. Như vậy, sức khỏe tinh thần là một cấu phần quan trọng trong đời sống của mỗi con người.

Theo khảo sát của Viện Sức khỏe và An toàn nghề nghiệp quốc gia Hoa Kỳ năm 2007, có 40% người được phỏng vấn đã báo cáo rằng stress là nguyên nhân chính khiến người lao động phải đi bệnh viện [1]. Nhiều nghiên cứu trên thế giới đã báo cáo về stress trong các nhóm nghề nghiệp hiện nay [1], [2], [3]. Qua đó có thể thấy, bên cạnh sự phát triển về kinh tế xã hội, nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng cao, trong đó những vấn đề liên quan đến sức khỏe tinh thần, đòi hỏi ngành y tế phải nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ về chăm sóc sức khỏe cho con người. Do vậy áp lực công việc đối với nhân viên y tế ngày càng lớn hơn [4], [5]. Sức ép quá lớn của công việc có thể làm gia tăng đáng kể tỷ lệ stress ở các nhân viên y tế [2], [6].

Địa điểm của nghiên cứu này là một bệnh viện hạng 1 chuyên khoa nội tiết và rối loạn chuyển hóa. Do đó, bệnh viện có công suất sử dụng giường bệnh cao và số lượng lớn người bệnh đến khám và điều trị mỗi năm [7]. Điều này đồng nghĩa với gánh nặng công việc rất lớn cho nhân viên y tế, đặc biệt đối với điều dưỡng viên. Đây là nhóm đối tượng luôn phải làm việc với cường độ cao và trách nhiệm nặng nề, trực tiếp chăm sóc, theo dõi và ghi chép những diễn biến bệnh của người bệnh để báo kịp thời cho bác sĩ, thường xuyên trực đêm, đặc biệt là chịu áp lực từ

phía người bệnh và người nhà người bệnh. Do vậy, khối lượng và cường độ làm việc hằng ngày có thể sẽ là những yếu tố nguy cơ tiềm tàng dẫn đến stress ở nhóm đối tượng là điều dưỡng viên đang làm việc tại bệnh viện. Hiện nay, chưa có nghiên cứu nào được thực hiện ở toàn bộ điều dưỡng viên của bệnh viện để đánh giá về thực trạng stress, trầm cảm, lo âu của họ. Do vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mô tả thực trạng stress, trầm cảm, lo âu ở điều dưỡng viên và phân tích một số yếu tố liên quan đến stress ở nhân viên điều dưỡng của bệnh viện.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là điều dưỡng viên, hiện đang công tác tại một bệnh viện hạng 1 chuyên khoa nội tiết và rối loạn chuyển hóa tại Hà Nội năm 2019. Các đối tượng

được giải thích rõ mục đích của nghiên cứu và tự nguyện đồng ý tham gia nghiên cứu.

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 04/2019 đến tháng 08/2019.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang, có phân tích, sử dụng phương pháp phát vấn để thu thập thông tin. Cỡ mẫu là toàn bộ điều dưỡng đang làm việc tại các khoa/phòng thuộc khối lâm sàng, khối cận lâm sàng và khối hành chính - chức năng của bệnh viện. Tổng cộng có 318 điều dưỡng.

Nghiên cứu đã sử dụng phần mềm Epidata 3.1 để nhập liệu và phần mềm SPSS 20.0 để xử lý số liệu.

III. KẾT QUẢ

3.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu (n = 318)

Thông tin về ĐTNC		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nhóm tuổi	≤30 tuổi	204	64,2
	31- 40 tuổi	92	28,9
	Trên 40 tuổi	22	6,9
Giới	Nam	61	19,2
	Nữ	257	80,8
Tình trạng hôn nhân	Chưa kết hôn	88	27,7
	Có vợ/chồng	219	68,9
	Ly thân/ly hôn/góa	11	3,4

Phần lớn điều dưỡng viên dưới 30 tuổi, chiếm tỷ lệ 64,2%. Nhóm điều dưỡng viên từ 31 đến 40 tuổi chiếm tỷ lệ 28,9%. Nhóm trên 40 tuổi chiếm tỷ lệ thấp nhất (6,9%). Đa số đối tượng nghiên cứu là nữ (80,8%), đã kết hôn (68,9%) (Bảng 1).

Bảng 2. Đặc điểm công việc và biến cố của đối tượng nghiên cứu (n = 318)

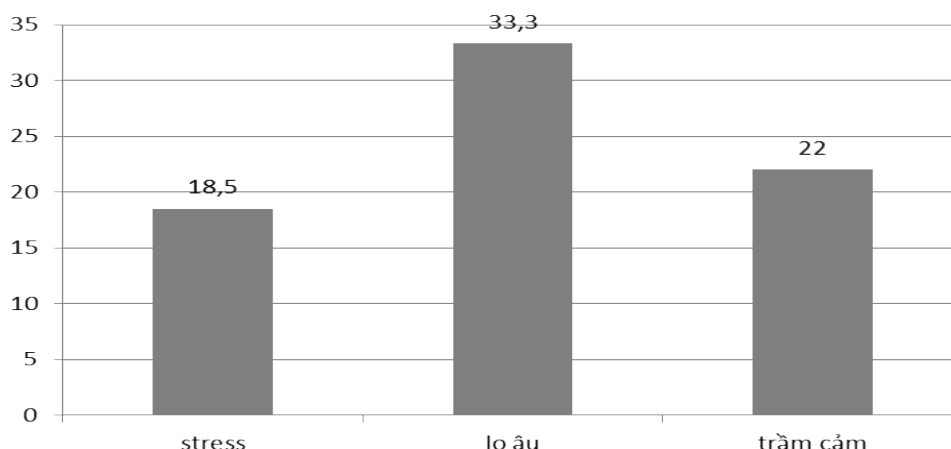
Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Số buổi trực/ tháng	≤4 lần	240	75,5
	>4 lần	78	24,5
Thường xuyên chăm sóc ca bệnh nặng/khó	Có	63	19,8
	Không	255	80,2
Có áp lực trong công việc	Có	235	73,9
	Không	83	26,1
Có biến cố trong gia đình	Có	142	44,7
	Không	176	55,3

Khoảng ¾ điều dưỡng viên trực ≤4 buổi trong 1 tuần (75,5%). Có 24,5% ĐTNC trực nhiều hơn 4 buổi trong 1 tuần. 19,8% điều dưỡng viên phải chăm sóc với tần suất thường xuyên. 73,9% điều dưỡng viên báo cáo có áp lực trong công việc. Trong 12 tháng qua, có

44,7% điều dưỡng viên báo cáo gặp phải biến cố ảnh hưởng đến tâm lý, sức khỏe, tương ứng với 142 trường hợp (Bảng 2).

2.2. Thực trạng stress, lo âu và trầm cảm của đối tượng nghiên cứu

Hình 1. Stress, lo âu và trầm cảm của đối tượng nghiên cứu (n=318)



Tỷ lệ điều dưỡng bị stress là 18,5%, lo âu 33,3% và trầm cảm 22% (Hình 1).

Bảng 3. Mức độ stress, lo âu và trầm cảm của đối tượng nghiên cứu (n = 318)

Mức độ	Stress		Lo âu		Trầm cảm	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Bình thường	259	81,5	212	66,7	248	78,0
Nhẹ	29	9,1	34	10,7	40	12,6
Vừa	19	6,0	52	16,3	21	6,6
Nặng	8	2,5	7	2,2	5	1,6
Rất nặng	3	0,9	13	4,1	4	1,2
Tổng	59	18,5	106	33,3	70	22,0

Tỷ lệ đối tượng bị stress nhẹ, vừa, nặng và rất nặng lần lượt là 9,1%; 6,0%; 2,5% và 0,9%. Mức độ lo âu nhẹ, vừa, nặng và rất nặng tương ứng là 10,7%, 16,3% 2,2% và 4,1%. Mức độ trầm cảm nhẹ, vừa, nặng và rất nặng tương

ứng là 12,6%, 6,6%,1,6%, 1,2% (Bảng 3).

3.3. Một số yếu tố liên quan đến tình trạng stress ở đối tượng nghiên cứu



Bảng 4. Mối liên quan giữa một số đặc điểm cá nhân với stress ở đối tượng nghiên cứu (n = 318)

Đặc điểm	Có		Không		OR, 95%CI	p
	SL	%	SL	%		
Nhóm tuổi						
≤30 tuổi	36	17,7	168	82,3	0,847 0,473-1,517	0,578
>30 tuổi	23	20,2	91	79,8		
Giới tính						
Nam	15	24,6	46	75,4	1,578 0,810-3,075	0,180
Nữ	44	17,1	213	82,9		
Tình trạng hôn nhân						
Khác	20	20,2	79	79,8	1,168 0,640-2,130	0,611
Có vợ/chồng	39	17,8	180	82,2		

Nghiên cứu chưa tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa nhóm tuổi, giới tính và tình trạng hôn nhân và stress ở điều dưỡng viên ($p > 0,05$) (Bảng 4).

Bảng 5. Mối liên quan giữa đặc điểm công việc với tình trạng stress ở đối tượng nghiên cứu (n = 318)

Yếu tố công việc	Có Stress		Không Stress		OR, 95%CI	p
	SL	%	SL	%		
Thâm niên trong nghề						
<5 năm	21	16,2	109	83,5	0,76 0,422-1,368	0,361
≥5 năm	38	20,2	150	17,8		
Cảm thấy áp lực trong công việc						
Có	52	22,1	183	77,9	3,08 1,34-7,097	0,008
không	7	8,4	76	91,6		
Số buổi trực/tháng						
> 4 buổi	17	21,8	61	78,2	1,31 0,698-2,472	0,398
≤ 4 buổi	42	17,5	198	82,5		
Biến cố gặp phải trong 1 năm qua						
Có	36	25,4	106	74,6	2,25 1,266-4,030	0,006
Không	23	13,1	153	86,9		

Kết quả nêu tại Bảng 5 cho thấy những điều dưỡng cảm thấy áp lực trong công việc, có khả năng bị stress cao gấp 3,08 lần so với nhóm không có áp lực (OR=3,08; 95%CI: 1,34-7,097; $p<0,05$), nhóm có gặp phải biến cố trong 1 năm qua có nguy cơ bị stress cao gấp 2,25 lần so với nhóm không gặp (OR=2,25; 95%CI: 1,266-4,030; $p<0,05$). Thâm niên công tác, số buổi trực, việc phải chăm sóc trường hợp bệnh nặng có khả năng gia tăng tình trạng stress của điều dưỡng, song các mối liên quan này chưa có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$).

III. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 18,5% điều dưỡng bị stress, 22% trầm cảm và 33,3% điều dưỡng lo âu. Tỷ lệ stress trong nghiên cứu của chúng tôi cao hơn tỷ lệ nhân viên y tế bị stress tại Bệnh viện đa khoa thành phố Vinh, Nghệ An (16,8%) nhưng thấp hơn so với tỷ lệ này tại bệnh viện 115 Nghệ An (24,5%) trong nghiên cứu của tác giả Đậu Thị Tuyết (2013) [3]. Tuy nhiên, tỷ lệ lo âu trong nghiên cứu của chúng tôi lại cao hơn so với 2 bệnh viện kể trên (31,1% và 26,5%). So với tỷ lệ stress, lo âu, trầm cảm ở điều dưỡng viên trong nghiên cứu của tác giả Vũ Bá Quỳnh tại khối ngoại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, tỷ lệ stress, lo âu, trầm cảm của chúng tôi thấp hơn nhiều (33,7%; 43% và 29,3%) [4]. Điều này có thể được lý giải do bệnh viện 108 là bệnh viện hạng đặc biệt quốc gia, có số lượng người bệnh khám và điều trị nội, ngoại trú rất lớn. Trong khi đó, bệnh viện của chúng tôi là bệnh viện hạng nhất, có cường độ công việc có phần thấp hơn, vì vậy tỷ lệ mắc stress thấp hơn là phù hợp. Tỷ lệ stress trong nghiên cứu của chúng tôi cũng thấp hơn so với tỷ lệ stress trong nghiên cứu của tác giả Lê Thành Tài (2008) thực hiện tại ba địa điểm là Bệnh viện đa khoa Trung ương Cần Thơ, Bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ và Bệnh viện đa khoa Châu Thành - Hậu Giang (45,2%) [5]. Có sự khác biệt này có thể do bộ công cụ đánh giá stress, trầm cảm và lo âu được sử dụng trong 2 nghiên cứu khác nhau. Nghiên cứu của Lê Thành Tài đã sử dụng bộ công cụ của David Fontana. còn nghiên cứu của chúng tôi sử dụng bộ công cụ DASS 21. Lý do tiếp theo có thể do tác giả thực hiện nghiên cứu ở phạm vi 3 bệnh viện, với cỡ mẫu lớn hơn. Nghiên cứu của chúng tôi chỉ thực hiện ở một bệnh viện chuyên khoa với cỡ mẫu nhỏ hơn.

Tỷ lệ điều dưỡng viên trong nghiên cứu của chúng tôi có mức độ stress, lo âu và trầm cảm nặng và rất nặng tương ứng lần lượt là 3,4%, 6,3%, 2,8%. Như vậy mức độ stress, lo âu, trầm cảm nặng và rất nặng so với kết quả nghiên cứu của Vũ Bá Quỳnh thấp hơn (7,3%; 11,4% và

3,3%) [4]. So với kết quả nghiên cứu của Trần Thị Thuý thì tỉ lệ đối tượng bị stress nhẹ, vừa ở nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn (9,1% so với 24,3%; 6% so với 8,1%). Giải thích cho những sự khác biệt này có thể do nghiên cứu chúng tôi thực hiện trên toàn bộ điều dưỡng viên các khối làm việc, kể cả điều dưỡng làm việc trong khối hành chính, chứ không chỉ nhóm làm việc tại khối lâm sàng. Trong khi đó, đối tượng nghiên cứu Trần Thị Thuý là toàn bộ nhân viên y tế khối lâm sàng [6].

Nghiên cứu đã tìm thấy một số yếu tố liên quan tới stress ở đối tượng nghiên cứu. Áp lực trong công việc cũng là một yếu tố gây lên stress ở người điều dưỡng. Nhóm cảm thấy có áp lực trong công việc có nguy cơ mắc stress cao gấp 3,08 lần so với nhóm không có áp lực (OR=3,08; 95%CI: 1,34-7,097; $p<0,05$). Kết quả này của chúng tôi tương đồng với kết quả nghiên cứu của Trần Thị Thu Thuý tại bệnh viện Việt Đức năm 2015, theo đó những điều dưỡng đánh giá áp lực công việc cao sẽ có nguy cơ mắc stress cao gấp 2,513 lần điều dưỡng đánh giá áp lực công việc thấp (OR=2,513; 95%CI: 0,860). Trong nghiên cứu này, yếu tố có biến cố trong 12 tháng qua đã được xác định như yếu tố quan trọng tác động tới stress của đối tượng nghiên cứu. Nhóm điều dưỡng đã có biến cố trong 1 năm qua có khả năng mắc stress cao gấp 2,25 lần so với nhóm không gặp (OR=2,25; 95%CI: 1,266-4,030; $p<0,05$). Loại biến cố đối tượng gặp phải chủ yếu là bản thân bị đau ốm, phải nằm viện; sinh con; mất tài sản. Như vậy, có thể thấy các áp lực trong cuộc sống gia đình, vấn đề sức khoẻ ảnh hưởng rất lớn đến sức khoẻ tâm thần của người điều dưỡng. Nghiên cứu của chúng tôi chưa tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa các yếu tố cá nhân, gia đình, thâm niên công tác, số buổi trực, việc phải chăm sóc ca bệnh nặng với tình trạng stress của điều dưỡng ($p>0,05$). Cũng có thể do cỡ mẫu trong nghiên cứu này tuy là toàn bộ điều dưỡng của bệnh viện, nhưng chưa nhiều ($n=318$), nên chưa tìm thấy các mối liên quan trên.

Trong các nghiên cứu của nhiều tác giả khác, có nhiều yếu tố liên quan đến công việc được xác định có liên quan tới stress ở điều dưỡng viên. Đó là áp lực công việc, thời gian làm việc, thường xuyên chăm sóc bệnh nhân nặng, áp lực từ người bệnh và người nhà của họ, đối mặt với nhiều yếu tố có thể gây bệnh nghề nghiệp, ...[4], [6], [7]. Trong nghiên cứu của chúng tôi, do đặc thù chuyên khoa của bệnh viện về nội tiết và rối loạn chuyển hóa, nên số trường hợp bệnh nặng không nhiều như ở các bệnh viện đa khoa hoặc chuyên khoa ngoại khác. Có thể vì lý do đó nên nghiên cứu chưa tìm thấy nhiều mối liên quan giữa yếu tố đặc điểm công việc (thời gian ca, số lần trực/tháng,

thâm niên...) với stress ở đối tượng nghiên cứu.

IV. KẾT LUẬN

Kết quả của nghiên cứu này cho thấy tỷ lệ điều dưỡng có rối loạn stress, trầm cảm và lo âu tuy không cao như kết quả của nghiên cứu ở các bệnh viện hạng đặc biệt, nhưng cũng tương đương với kết quả nghiên cứu ở một số bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh. Đặc biệt, nghiên cứu đã tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa áp lực

công việc và có biến cố trong 12 tháng qua với stress ở đối tượng nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu này đã cung cấp thêm số liệu vào bức tranh sức khỏe tinh thần hiện nay của người Việt Nam nói chung và của điều dưỡng viên nói riêng. Qua đó cho thấy ngành y tế ở các cấp và xã hội cần tăng cường truyền thông để người sử dụng lao động và người lao động nhận thức rõ và biết cách dự phòng về sức khỏe tinh thần – một hợp phần quan trọng của sức khỏe của mỗi người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Thành Hiệp, Trần Thanh Hải và Tạ Văn Trâm. Tỷ lệ điều dưỡng, hộ sinh bị stress nghề nghiệp tại Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre năm 2014. *Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh*, 2014, tập 18, phụ bản số 5: 190-196.
2. Đậu Thị Tuyết. Tình trạng stress, lo âu, trầm cảm của cán bộ y tế khối lâm sàng tại Bệnh viện đa khoa 115 Nghệ An năm 2013 và một số yếu tố liên quan. Luận văn thạc sĩ Quản lý bệnh viện, 2013, Trường Đại học Y tế Công cộng, Hà Nội.
3. Vũ Bá Quỳnh. Stress nghề nghiệp và một số yếu tố liên quan của nhân viên điều dưỡng khối ngoại, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, năm 2018. Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Y tế công cộng, 2018, Trường đại học Thăng Long.
4. Lê Thành Tài, Trần Ngọc Xuân và Trần Trúc Linh. Tình hình stress nghề nghiệp của nhân viên điều dưỡng. *Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh*, 2008, 12(4): 216-223
5. Trần Thị Thúy. Đánh giá trạng thái stress của cán bộ y tế khối lâm sàng Bệnh viện Ung bướu Hà Nội năm 2011. Luận văn thạc sĩ Y tế công cộng, 2011, Trường Đại học Y tế Công cộng, Hà Nội.
6. Trần Thị Thu Thủy và cộng sự. Tình trạng căng thẳng và một số yếu tố nghề nghiệp liên quan đến căng thẳng ở điều dưỡng viên tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2015, *Tạp chí Y tế Công cộng*, 2016, 40: 20-25.
7. Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường. Stress nghề nghiệp ở nhân viên y tế. Truy cập ngày 24/07/2019, tại trang web https://www.moh.gov.vn/web/phong-chong-benh-nghe-nghiep/thong-tin-hoat-dong/-/asset_publisher/xjpQsFUZRw4q/content/stress-nghe-nghiep-o-nhan-vien-y-te?inheritRedirect=false
8. Niosh. Stress at work. Truy cập ngày 03/01/2019, tại trang web <http://www.cdc.gov/nish/topics/stress/>.